

CÔNG TY CỔ PHẦN CAKE JESS
CÔNG BỐ NỘI DUNG ĐĂNG KÝ THÀNH LẬP MỚI

1. Tên công ty

Tên công ty viết bằng tiếng Việt: CÔNG TY CỔ PHẦN CAKE JESS

Tên công ty viết bằng tiếng nước ngoài: CAKE JESS JOINT STOCK COMPANY

Tên công ty viết tắt: CAKE JESS., JSC

2. Mã số doanh nghiệp: 0108425840

3. Ngày thành lập: 10/09/2018

4. Địa chỉ trụ sở chính:

Số nhà 32, ngách 44, ngõ 81, đường Trần Cung, Phường Nghĩa Tân, Quận Cầu Giấy, Thành phố Hà Nội, Việt Nam

Điện thoại: 02438338762

Fax:

Email: minhdanghaiduong@yahoo.com Website: cakejess.com
m

5. Ngành, nghề kinh doanh:

STT	Tên ngành	Mã ngành
1.	Nhà hàng và các dịch vụ ăn uống phục vụ lưu động	5610
2.	Cung cấp dịch vụ ăn uống theo hợp đồng không thường xuyên với khách hàng	5621
3.	Dịch vụ ăn uống khác	5629
4.	Hoạt động kiến trúc và tư vấn kỹ thuật có liên quan Chi tiết: Thiết kế nội - ngoại thất công trình; thiết kế cảnh quan; Thiết kế kết cấu công trình; Thiết kế điện - cơ điện công trình; Thiết kế cấp - thoát nước; Thiết kế thông gió - cấp thoát nhiệt; Thiết kế mạng thông tin - liên lạc trong công trình xây dựng; Thiết kế phòng cháy - chữa cháy. Giám sát công tác xây dựng và hoàn thiện; Giám sát công tác lắp đặt thiết bị công trình; Giám sát công tác lắp đặt thiết bị công nghệ; Khảo sát địa hình Khảo sát địa chất, địa chất thủy văn công trình Thiết kế quy hoạch xây dựng Lập thẩm tra dự án đầu tư xây dựng Tư vấn quản lý dự án Lập thiết kế, dự toán, thẩm tra thiết kế, dự toán xây dựng công trình Đại lý đấu thầu, tư vấn đấu thầu Dịch vụ tư vấn lập báo cáo đánh giá tác động môi trường	7110
5.	Hoạt động dịch vụ sau thu hoạch	0163

6.	Trồng rừng, chăm sóc rừng và ươm giống cây lâm nghiệp	0210
7.	Khai thác thuỷ sản biển	0311
8.	Nuôi trồng thuỷ sản biển	0321
9.	Sản xuất ca cao, sôcôla và bánh kẹo	1073
10.	Phá dỡ	4311
11.	Lắp đặt hệ thống cấp, thoát nước, hệ thống sưởi và điều hoà không khí	4322
12.	Đại lý ô tô và xe có động cơ khác Chi tiết: Đại lý ô tô con (loại 9 chỗ ngồi trở xuống) Đại lý xe có động cơ khác	4513
13.	Bán mô tô, xe máy Chi tiết: Bán buôn mô tô, xe máy Bán lẻ mô tô, xe máy Đại lý mô tô, xe máy	4541
14.	Bán buôn máy vi tính, thiết bị ngoại vi và phần mềm	4651
15.	Sản xuất phân bón và hợp chất ni tơ	2012
16.	Bảo dưỡng, sửa chữa ô tô và xe có động cơ khác	4520
17.	Bán buôn vải, hàng may mặc, giày dép	4641
18.	Bán buôn đồ dùng khác cho gia đình Chi tiết: Bán buôn vali, cặp, túi, ví, hàng da và giả da khác Bán buôn nước hoa, hàng mỹ phẩm và chế phẩm vệ sinh Bán buôn hàng gốm, sứ, thủy tinh Bán buôn đồ điện gia dụng, đèn và bộ đèn điện Bán buôn giường, tủ, bàn ghế và đồ dùng nội thất tương tự Bán buôn sách, báo, tạp chí, văn phòng phẩm, các thiết bị giáo dục, trường học Bán buôn dụng cụ thể dục, thể thao	4649
19.	Bán buôn thiết bị và linh kiện điện tử, viễn thông	4652
20.	Bán buôn máy móc, thiết bị và phụ tùng máy nông nghiệp	4653

21.	Bán buôn máy móc, thiết bị và phụ tùng máy khác Chi tiết: Bán buôn máy móc, thiết bị và phụ tùng máy khai khoáng, xây dựng Bán buôn máy móc, thiết bị điện, vật liệu điện (máy phát điện, động cơ điện, dây điện và thiết bị khác dùng trong mạch điện) Bán buôn máy móc, thiết bị và phụ tùng máy dệt, may, da giày Bán buôn máy móc, thiết bị và phụ tùng máy văn phòng (trừ máy vi tính và thiết bị ngoại vi) Bán buôn máy móc, thiết bị y tế Bán buôn các loại máy công cụ, dùng cho mọi loại vật liệu Bán buôn máy móc, thiết bị khác chưa được phân vào đâu để sử dụng cho sản xuất công nghiệp, thương mại, hàng hải và dịch vụ khác Bán buôn thiết bị và dụng cụ đo lường	4659
22.	Bán lẻ lương thực, thực phẩm, đồ uống, thuốc lá, thuốc láo chiếm tỷ trọng lớn trong các cửa hàng kinh doanh tổng hợp	4711
23.	Bán lẻ thực phẩm trong các cửa hàng chuyên doanh	4722
24.	Bán lẻ đồ ngũ kim, sơn, kính và thiết bị lắp đặt khác trong xây dựng trong các cửa hàng chuyên doanh	4752
25.	Bán lẻ đồ điện gia dụng, giường, tủ, bàn, ghế và đồ nội thất tương tự, đèn và bộ đèn điện, đồ dùng gia đình khác chưa được phân vào đâu trong các cửa hàng chuyên doanh	4759
26.	Vận tải hành khách đường bộ khác	4932
27.	Sản xuất các loại dây bện và lưới	1394
28.	Gia công cơ khí; xử lý và tráng phủ kim loại	2592
29.	Bán buôn vật liệu, thiết bị lắp đặt khác trong xây dựng	4663
30.	Sửa chữa giày, dép, hàng da và giả da	9523
31.	Hoạt động dịch vụ hỗ trợ khác liên quan đến vận tải Chi tiết: - Hoạt động của các đại lý bán vé máy bay, - Giao nhận hàng hóa	5229
32.	Sản xuất thiết bị truyền thông	2630
33.	Trồng trọt, chăn nuôi hỗn hợp	0150
34.	Chế biến và bảo quản rau quả	1030
35.	Sản xuất sản phẩm chịu lửa	2391
36.	Sản xuất sản phẩm gốm sứ khác	2393
37.	Sản xuất bê tông và các sản phẩm từ bê tông, xi măng và thạch cao	2395

38.	Bán phụ tùng và các bộ phận phụ trợ của ô tô và xe có động cơ khác Chi tiết: Bán buôn phụ tùng và các bộ phận phụ trợ của ô tô và xe có động cơ khác Bán lẻ phụ tùng và các bộ phận phụ trợ của ô tô con (loại 9 chỗ ngồi trở xuống)	4530
39.	Bán buôn nhiên liệu rắn, lỏng, khí và các sản phẩm liên quan	4661
40.	Bán buôn nông, lâm sản nguyên liệu (trừ gỗ, tre, nứa) và động vật sống	4620
41.	Bán buôn gạo, lúa mỳ, hạt ngũ cốc khác, bột mỳ	4631
42.	Bán buôn thực phẩm	4632
43.	Giặt là, làm sạch các sản phẩm dệt và lông thú	9620
44.	Bán buôn tổng hợp	4690
45.	Cung ứng lao động tạm thời (không bao gồm môi giới, giới thiệu, tuyển dụng và cung ứng lao động cho các Doanh nghiệp có chức năng xuất khẩu lao động và cung ứng, quản lý người lao động đi làm việc ở nước ngoài)	7820
46.	Dịch vụ đóng gói	8292
47.	Hoạt động thiết kế chuyên dụng Chi tiết: Hoạt động trang trí nội thất	7410
48.	Thu gom rác thải độc hại	3812
49.	Xử lý và tiêu huỷ rác thải không độc hại	3821
50.	Lắp đặt hệ thống xây dựng khác	4329
51.	Bán buôn ô tô và xe có động cơ khác (trừ đầu giá)	4511
52.	Sản xuất than cốc	1910
53.	Sản xuất hoá chất cơ bản	2011
54.	Sản xuất thùng, bể chứa và dụng cụ chứa đựng bằng kim loại	2512
55.	Rèn, dập, ép và cán kim loại; luyện bột kim loại	2591
56.	Sản xuất dao kéo, dụng cụ cầm tay và đồ kim loại thông dụng	2593
57.	Hoạt động tư vấn quản lý	7020
58.	Quảng cáo	7310
59.	Cho thuê máy móc, thiết bị và đồ dùng hữu hình khác không kèm người điều khiển Chi tiết: Cho thuê máy móc, thiết bị nông, lâm nghiệp không kèm người điều khiển Cho thuê máy móc, thiết bị xây dựng không kèm người điều khiển	7730

60.	In ấn	1811
61.	Thu gom rác thải không độc hại	3811
62.	Xây dựng nhà không để ở	4102
63.	Xây dựng công trình công ích khác	4229
64.	Bảo dưỡng và sửa chữa mô tô, xe máy	4542
65.	Bán buôn đồ uống	4633
66.	Bán buôn sản phẩm thuốc lá, thuốc lào	4634
67.	Hoạt động của các trung tâm, đại lý tư vấn, giới thiệu và môi giới lao động, việc làm Chi tiết: Đại lý tư vấn, giới thiệu và môi giới lao động, việc làm	7810
68.	Nuôi trồng thủy sản nội địa	0322
69.	Sản xuất plastic và cao su tổng hợp dạng nguyên sinh	2013
70.	Sản xuất sơn, véc ni và các chất sơn, quét tương tự; sản xuất mực in và ma tít	2022
71.	Sản xuất mỹ phẩm, xà phòng, chất tẩy rửa, làm bóng và chế phẩm vệ sinh	2023
72.	Chuẩn bị mặt bằng	4312
73.	Lắp đặt hệ thống điện	4321
74.	Hoàn thiện công trình xây dựng	4330
75.	Bán lẻ ô tô con (loại 9 chỗ ngồi trở xuống)	4512
76.	Bán phụ tùng và các bộ phận phụ trợ của mô tô, xe máy Chi tiết: Bán buôn phụ tùng và các bộ phận phụ trợ của mô tô, xe máy Bán lẻ phụ tùng và các bộ phận phụ trợ của mô tô, xe máy	4543
77.	Đại lý, môi giới, đấu giá hàng hóa Chi tiết: Đại lý bán hàng hóa	4610
78.	Vận tải hàng hóa bằng đường bộ	4933
79.	Chăn nuôi khác	0149
80.	Hoạt động dịch vụ lâm nghiệp	0240
81.	Chế biến, bảo quản thịt và các sản phẩm từ thịt	1010
82.	Sản xuất đường	1072
83.	Săn bắt, đánh bắt và hoạt động dịch vụ có liên quan	0170
84.	Khai thác gỗ	0220
85.	Sản xuất các loại bánh từ bột	1071
86.	Sản xuất mì ống, mỳ sợi và sản phẩm tương tự	1074
87.	Sản xuất thức ăn gia súc, gia cầm và thủy sản	1080
88.	Sản xuất bia và mạch nha ủ men bia	1103
89.	Sản xuất đồ uống không cồn, nước khoáng	1104
90.	Sản xuất hàng dệt sẵn (trừ trang phục)	1392

91.	May trang phục (trừ trang phục từ da lông thú)	1410
92.	Thuộc, sơ chế da; sơ chế và nhuộm da lông thú	1511
93.	Sản xuất vali, túi xách và các loại tương tự, sản xuất yên đệm	1512
94.	Sản xuất giày, dép	1520
95.	Cưa, xẻ, bào gỗ và bảo quản gỗ	1610
96.	Sản xuất bột giấy, giấy và bìa	1701
97.	Dịch vụ liên quan đến in	1812
98.	Sản xuất săm, lốp cao su; đắp và tái chế lốp cao su	2211
99.	Sản xuất linh kiện điện tử	2610
100.	Sản xuất sản phẩm điện tử dân dụng	2640
101.	Sản xuất các cấu kiện kim loại	2511
102.	Sản xuất mô tơ, máy phát, biến thế điện, thiết bị phân phối và điều khiển điện	2710
103.	Bán buôn kim loại và quặng kim loại (Trừ vàng miếng)	4662
104.	Bán buôn chuyên doanh khác chưa được phân vào đâu Chi tiết: Bán buôn phụ liệu may mặc và giày dép Bán buôn phế liệu, phế thải kim loại, phi kim loại Bán buôn cao su	4669
105.	Xuất bản phần mềm	5820
106.	Điều hành tua du lịch	7912
107.	Dịch vụ đặt chỗ và các dịch vụ hỗ trợ liên quan đến quảng bá và tổ chức tua du lịch	7990
108.	Vệ sinh công nghiệp và các công trình chuyên biệt	8129
109.	Sản xuất thảm, chăn, đệm	1393
110.	Giáo dục khác chưa được phân vào đâu	8559
111.	Hoạt động dịch vụ chăn nuôi	0162
112.	Chế biến, bảo quản thủy sản và các sản phẩm từ thủy sản	1020
113.	Sản xuất sản phẩm thuốc lá	1200
114.	Sản xuất vải dệt thoi	1312
115.	Hoàn thiện sản phẩm dệt	1313
116.	Hoạt động dịch vụ trồng trọt	0161
117.	Xây dựng công trình kỹ thuật dân dụng khác	4299
118.	Hoạt động xây dựng chuyên dụng khác	4390
119.	Bán lẻ thảm, đệm, chăn, màn, rèm, vật liệu phủ tường và sàn trong các cửa hàng chuyên doanh	4753
120.	Cho thuê xe có động cơ	7710
121.	Vệ sinh chung nhà cửa	8121
122.	Sản xuất vật liệu xây dựng từ đất sét	2392

123.	Sản xuất sắt, thép, gang	2410
124.	Sản xuất máy vi tính và thiết bị ngoại vi của máy vi tính	2620
125.	Sản xuất giường, tủ, bàn, ghế	3100
126.	Khai thác, xử lý và cung cấp nước	3600
127.	Thoát nước và xử lý nước thải	3700
128.	Kho bãi và lưu giữ hàng hóa	5210
129.	Bốc xếp hàng hóa	5224
130.	Dịch vụ lưu trú ngắn ngày	5510
131.	Đại lý du lịch	7911
132.	Tổ chức giới thiệu và xúc tiến thương mại	8230
133.	Dịch vụ hỗ trợ giáo dục	8560(Chính)
134.	Sửa chữa thiết bị nghe nhìn điện tử gia dụng	9521
135.	Sửa chữa thiết bị, đồ dùng gia đình	9522
136.	Sửa chữa giường, tủ, bàn, ghế và đồ nội thất tương tự	9524
137.	Dịch vụ chăm sóc và duy trì cảnh quan	8130
138.	Bán lẻ trò chơi, đồ chơi trong các cửa hàng chuyên doanh	4764
139.	Khai thác thủy sản nội địa	0312
140.	Sản xuất dầu, mỡ động, thực vật	1040
141.	Sản xuất món ăn, thức ăn chế biến sẵn	1075
142.	Sản xuất sợi	1311
143.	Sản xuất vải dệt kim, vải đan móc và vải không dệt khác	1391
144.	Chế biến sữa và các sản phẩm từ sữa	1050
145.	Sản xuất sản phẩm dầu mỏ tinh chế	1920
146.	Sản xuất xi măng, vôi và thạch cao	2394
147.	Cắt tạo dáng và hoàn thiện đá	2396
148.	Xử lý và tiêu hủy rác thải độc hại	3822
149.	Xây dựng nhà để ở	4101
150.	Xử lý hạt giống để nhân giống	0164
151.	Khai thác lâm sản khác trừ gỗ	0231
152.	Thu nhặt lâm sản khác trừ gỗ	0232
153.	Chưng, tinh cất và pha chế các loại rượu mạnh	1101
154.	Sản xuất gỗ dán, gỗ lạng, ván ép và ván mỏng khác	1621
155.	Sản xuất đồ gỗ xây dựng	1622
156.	Sản xuất bao bì bằng gỗ	1623
157.	Sản xuất sản phẩm khác từ gỗ; sản xuất sản phẩm từ tre, nứa, rom, rạ và vật liệu tết bện	1629
158.	Sản xuất giấy nhãn, bìa nhãn, bao bì từ giấy và bìa	1702
159.	Xay xát và sản xuất bột thô	1061
160.	Sản xuất tinh bột và các sản phẩm từ tinh bột	1062

161.	Dịch vụ phục vụ đồ uống	5630
162.	Cung ứng và quản lý nguồn lao động Chi tiết: Cung ứng và quản lý nguồn lao động trong nước	7830
163.	Hoạt động dịch vụ hỗ trợ kinh doanh khác còn lại chưa được phân vào đâu Chi tiết: - Xuất nhập khẩu các mặt hàng Công ty kinh doanh	8299
164.	Sản xuất trang phục dệt kim, đan móc	1430
165.	Sao chép bản ghi các loại	1820
166.	Sản xuất rượu vang	1102
167.	Sản xuất sản phẩm từ da lông thú	1420

6. Vốn điều lệ: 3.000.000.000 VNĐ

Mệnh giá cổ phần:

7. Số cổ phần được quyền chào bán:

8. Cổ đông sáng lập:

STT	Tên cổ đông	Nơi đăng ký hộ khẩu thường trú đối với cá nhân; địa chỉ trụ sở chính đối với tổ chức	Loại cổ phần	Số cổ phần	Giá trị cổ phần (VNĐ)	Tỷ lệ (%)	Số giấy CMND (hoặc số chứng thực cá nhân khác); Mã số doanh nghiệp; Số quyết định thành lập	Ghi chú
1	LÊ BÁ ĐẮNG	Số nhà 26C, tổ 30, Phường Dịch Vọng, Quận Cầu Giấy, Thành phố Hà Nội, Việt Nam	Cổ phần phổ thông	100.000	1.000.000.000	33,330	012919295	
			Tổng số	100.000	1.000.000.000	33,330		
2	VŨ THỊ ĐIỆP LAN	Số 72, đường Nguyễn Thị Duệ, khu 9, Phường Thanh Bình, Thành phố Hải Dương, Tỉnh Hải Dương, Việt Nam	Cổ phần phổ thông	50.000	500.000.000	16,670	142360390	
			Tổng số	50.000	500.000.000	16,670		
3	VŨ THỊ NGỌC MINH	Số nhà 26C, tổ 30, Phường Dịch Vọng, Quận Cầu Giấy, Thành phố Hà Nội, Việt Nam	Cổ phần phổ thông	150.000	1.500.000.000	50,000	012919294	
			Tổng số	150.000	1.500.000.000	50,000		

9. Cổ đông là nhà đầu tư nước ngoài:

STT	Tên cổ đông	Chỗ ở hiện tại đối với cá nhân; địa chỉ trụ sở chính đối với tổ chức	Loại cổ phần	Số cổ phần	Giá trị cổ phần (VNĐ; giá trị tương đương bằng tiền nước ngoài, nếu có)	Tỷ lệ (%)	Số hộ chiếu đối với cá nhân; Mã số doanh nghiệp đối với doanh nghiệp; Số Quyết định thành lập đối với tổ chức	Ghi chú
-----	-------------	--	--------------	------------	---	-----------	---	---------

10. Người đại diện theo pháp luật:

* Họ và tên: **VŨ THỊ NGỌC MINH**

Giới tính: *Nữ*

Chức danh: *Giám đốc*

Sinh ngày: *19/11/1979*

Dân tộc: *Kinh*

Quốc tịch: *Việt Nam*

Loại giấy tờ chứng thực cá nhân: *Chứng minh nhân dân*

Số giấy chứng thực cá nhân: *012919294*

Ngày cấp: *02/11/2006*

Nơi cấp: *Công an Hà Nội*

Nơi đăng ký hộ khẩu thường trú: *Số nhà 26C, tổ 30, Phường Dịch Vọng, Quận Cầu Giấy, Thành phố Hà Nội, Việt Nam*

Chỗ ở hiện tại: *Số nhà 32, ngách 44, ngõ 81, đường Trần Cung, Phường Nghĩa Tân, Quận Cầu Giấy, Thành phố Hà Nội, Việt Nam*

11. Nơi đăng ký: *Phòng Đăng ký kinh doanh Thành phố Hà Nội*